TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7 - 2024
"V/v *ly hôn giữa chị Y và anh L*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đinh Thế Cần;

2.Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 nămn 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Chị Lưu Thị Hải Y sinh năm 1996

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Công L, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị Y, vắng mặt anh L)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Lưu Thị Hải Y trình bày**:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Công L do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 15/01/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh L. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh tính tình vợ chồng không hợp nhau, kinh tế gia đình khó khăn cộng với việc vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 11/2023 thì vợ chồng ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh Bùi Công L không có con chung. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xét xử bị đơn anh Bùi Công L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với gia đình anh Bùi Công L và cơ sở thôn H, xã Q thấy:

*Về quan hệ hôn nhân**:*** Chị Lưu Thị Hải Y và anh Bùi Công L là vợ chồng. Thời gian mâu thuẫn vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết rõ chỉ biết do vợ chồng không có con chung, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, gia đình và cơ sở thôn để nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Toà án anh L có quan điêm muốn đoàn tụ với chị Y.

Về con chung: Chị Y và anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Hải Y được ly hôn anh Bùi Công L;

Về con chung: Chị Lưu Thị Hải Y và anh Bùi Công L không có con chung;

Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Chị Lưu Thị Hải Y phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Lưu Thị Hải Y khởi kiện ly hôn với anh Bùi Công L. Do anh L là bị đơn cư trú thôn H, xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lưu Thị Hải Y và anh Bùi Công L là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 15/01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không có con chung. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, chị xin ly hôn anh L. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh L không có mặt, anh L không có thiện chí hòa giải, mặc dù anh L muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng anh L không tìm ra biện pháp có hiệu quả để hàn gắn cải thiện quan hệ vợ chồng. Mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của chị Y, anh L thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị Y được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị Hải Y và anh Bùi Công L không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Lưu Thị Hải Y không yêu cầu Toà án giải quyết, anh Bùi Công L không có ý kiến trình bày nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị Hải Y và anh Bùi Công L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Hải Y được ly hôn anh Bùi Công L.

2.Về con chung: Chị Lưu Thị Hải Y và anh Bùi Công L không có con chung.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lưu Thị Hải Y1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0004653 ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lưu Thị Hải Y có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Bùi Công L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã Quỳnh Mỹ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên